TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vanh Si Tha

2. Ông Hồ Văn Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thuý Duy là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn***: Bà Bùi Thị Thái Hoà, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 và Quyết đinh hoãn phiên toà số 99/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Đặng Huy B, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn ngày 21/4/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Bà T và ông B có thời gian quen biết tự nguyện tìm hiểu nhau trước được khoảng 01 năm, đến năm 2009 tổ chức lễ cưới, đến ngày 07/7/2015 tiến hành đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, không có tiếng nói chung, ông B có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể chung sống hoà hợp hạnh phúc được, tình cảm rạn nứt vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc

lẫn nhau, ông B bỏ đi một thời gian rồi quay về nhà nhưng vợ chồng không thể chung sống sinh hoạt được bình thường nên ông B lại tiếp tục bỏ đi mâu thuẫn tiếp diễn kéo dài vợ chồng đã ly thân đến nay được hơn 5 tháng, tình cảm hiện tại không còn bà T khởi kiện ly hôn với ông B.

Về con chung có 02 con chung tên Đặng Thị Bích N, sinh ngày 14/5/2010 và Đặng Hữu K, sinh ngày 30/3/2015 bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 1.500.000 đồng/tháng/con chung cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Đặng Huy B vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án là tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống năm 2009 có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2015, do mâu thuẫn tính tình không phù hợp, không có tiếng nói chung ông B có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bỏ mặc nhau tự sống, đôi bên đã ly thân hơn 05 tháng đến nay chưa về chung sống lại, mâu thuẫn giữa bà T và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.Về con chung có 02 con chung tên Đặng Thị Bích N, sinh ngày 14/5/2010 và Đặng Hữu K, sinh ngày 30/3/2015 bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ đề nghị chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 21 tháng 4 năm 2025 bà Nguyễn Thị Bích T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Đặng Huy B, ông B cư trú tại tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Đặng Huy B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập lên làm việc nhưng nhiều lần vắng mặt, không rõ lý do. Tòa án không tiến

hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 18/6/2025 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2025 và tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hôn nhân giữa bà T và ông B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào năm 2015 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2024 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bà T và ông B đã ly thân đến nay hơn 5 tháng chưa về chung sống lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà T và ông B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà T yêu cầu được ly hôn với ông B. Xét thấy, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa bà T và ông B đã trầm trọng đến mức dẫn đến ly thân, bà T và ông B bỏ mặc nhau tự sống, không còn sự yêu thương, chia sẻ quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, điều này phù hợp với kết quả biên bản xác minh ngày 31/5/2025.

Tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông B có kéo dài cũng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không thể đạt được, bà T yêu cầu ly hôn, ông B lại liên tục vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án, không tạo cơ hội để hòa giải với bà T tìm cách duy trì, hàn gắn lại tình cảm hôn nhân. Từ đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông B là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà T và ông B có 02 con chung tên Đặng Thị Bích N, sinh ngày 14/5/2010 và Đặng Hữu K, sinh ngày 30/3/2015 bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi con chung là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Xét yêu cầu của bà T là có căn cứ phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung muốn được sống chung với bà T, phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, việc giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng là có căn cứ.

Ông B không trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được nuôi dưỡng 02 con chung, ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Xét về mức cấp dưỡng bà T yêu cầu ông B thực hiện là 1.500.000/tháng/ con chung so với quy định pháp luật vẫn còn thấp hơn ½ mức lương tối thiểu vùng nơi ông Bình sinh S, tại phiên toà Hội đồng xét xử đã giải thích quy định pháp luật về cấp dưỡng cho bà T, tuy nhiên bà T đã căn nhắc tính toán kỹ thu nhập của bản thân tự nguyện chỉ yêu cầu mức cấp dưỡng là 1.500.000/tháng/con chung và mức cấp dưỡng này là có lợi cho bị đơn nên được xem xét chấp nhận. Ông B có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình và ông B có quyền thăm con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Ông Đặng Huy B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích T. Bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Đặng Huy B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Đặng Thị Bích N, sinh ngày 14/5/2010 và Đặng Hữu K, sinh ngày 30/3/2015.

Buộc ông Đặng Huy B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, với mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng trên tháng). Thời gian thực hiện cấp dưỡng được tính kể từ ngày 25-6-2025 cho đến khi Đặng Thị Bích N, Đặng Hữu K thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Ông B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống chung với bà T, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của bà T.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông B lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013068 ngày 28-4-2025 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Đặng Huy B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- UBND xã Tà Đảnh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng